

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Trần Văn Thanh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2015)
Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2015)
Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lăng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hồng Khánh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2015)
Ông Trần Văn Thanh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2015)
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quang	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 2 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Số: 420 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ - Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2016, từ trang 04 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tào Hải Nhân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1576-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		814.573.589.237	1.341.215.086.691
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	42.506.043.552	165.896.805.396
1. Tiền	111		42.506.043.552	45.096.805.396
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	120.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	411.000.000.000	763.324.034.500
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.610.000.000	22.987.340.187
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.610.000.000)	(8.731.305.687)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		410.000.000.000	749.068.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		266.820.290.830	327.202.121.759
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	181.290.960.750	271.628.938.746
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.233.078.772	36.546.191.335
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	72.862.410.409	20.442.032.826
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.566.159.101)	(1.415.041.148)
IV. Hàng tồn kho	140	10	86.002.321.134	76.971.055.267
1. Hàng tồn kho	141		90.971.896.714	79.697.597.669
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.969.575.580)	(2.726.542.402)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.244.933.721	7.821.069.769
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	24.129.589	853.375.958
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.220.804.132	6.967.693.811
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		999.881.834.303	506.421.674.771
I. Tài sản cố định	220		272.904.473.798	266.926.958.355
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	265.784.935.460	257.334.282.375
- Nguyên giá	222		430.282.647.958	389.941.112.869
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(164.497.712.498)	(132.606.830.494)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	7.119.538.338	9.592.675.980
- Nguyên giá	228		17.507.023.106	16.839.023.106
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.387.484.768)	(7.246.347.126)
II. Bất động sản đầu tư	230	15	7.739.071.205	7.921.664.537
- Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.304.094.060)	(1.121.500.728)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.037.319.537	667.111.466
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	14.037.319.537	667.111.466
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		583.487.708.826	131.987.708.826
1. Đầu tư vào công ty con	251	6, 17	186.487.708.826	131.987.708.826
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	397.000.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		121.713.260.937	98.918.231.587
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	120.969.038.404	98.252.266.679
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		744.222.533	665.964.908
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.814.455.423.540	1.847.636.761.462

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.183.981.284.584	1.231.692.658.565
I. Nợ ngắn hạn	310		1.164.510.922.016	1.217.269.071.283
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	147.994.063.676	55.574.077.866
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.632.785.155	1.598.742.231
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.594.835.243	2.077.594.978
4. Phải trả người lao động	314		13.665.069.332	11.724.183.633
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		311.968.634	6.689.395.466
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		672.081.138	636.692.728
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	64.123.144.666	71.114.136.304
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	924.162.060.381	1.066.466.465.108
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	6.900.000.000	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.454.913.791	1.387.782.969
II. Nợ dài hạn	330		19.470.362.568	14.423.587.282
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	19.470.362.568	14.423.587.282
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		630.474.138.956	615.944.102.897
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	630.474.138.956	615.944.102.897
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		603.426.380.000	502.875.030.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	7.302.550.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(49.700.000)	(49.700.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.011.722.897	81.351.082.553
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.085.736.059	24.465.140.344
- Lợi nhuận Sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		25.085.736.059	24.465.140.344
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.814.455.423.540	1.847.636.761.462

Phan Quang Thành
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán
tài chính



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.949.904.073.848	2.605.297.347.158
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.105.984.499	986.049.206
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.948.798.089.349	2.604.311.297.952
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	1.841.889.686.462	2.527.644.999.392
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		106.908.402.887	76.666.298.560
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	109.815.077.738	114.023.311.721
7. Chi phí tài chính	22	28	42.773.004.213	42.996.592.226
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	28	36.018.101.509	35.884.535.393
8. Chi phí bán hàng	25	29	47.523.386.508	36.875.525.230
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	46.332.705.321	25.551.142.952
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		80.094.384.583	85.266.349.873
11. Thu nhập khác	31	30	13.703.277.431	6.989.711.397
12. Chi phí khác	32	31	433.498.983	1.846.896.093
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		13.269.778.448	5.142.815.304
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		93.364.163.031	90.409.165.177
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	8.015.704.597	5.603.044.833
16. (Thu nhập)thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(78.257.625)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		85.426.716.059	84.806.120.344


Phan Quang Thành
Người lập biểu

Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán
tài chínhVũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	93.364.163.031	90.409.165.177
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	36.324.859.425	26.663.780.815
Các khoản dự phòng	03	(11.627.154.556)	(13.442.273.778)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	730.606.123	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(109.072.354.771)	(115.754.894.059)
Chi phí lãi vay	06	36.018.101.509	35.884.535.393
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	45.738.220.761	23.760.313.548
Giảm các khoản phải thu	09	91.969.863.587	35.926.637.108
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(11.274.299.045)	37.119.224.178
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	79.443.821.075	(220.978.152.363)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(21.887.525.356)	17.886.054.110
Tiền lãi vay đã trả	14	(36.189.927.276)	(37.423.809.084)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.857.206.588)	(5.518.241.519)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	8.138.181.563	7.323.038.164
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.577.343.071)	(11.214.607.995)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	146.503.785.650	(153.119.543.853)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(38.697.740.541)	(53.292.670.122)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.817.186.297	15.978.225.103
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(930.000.000.000)	(928.145.529.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	872.068.000.000	685.168.779.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(54.500.000.000)	4.873.134.360
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	21.487.557.661	843.506
7. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	57.303.962.739	66.174.707.024
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(66.521.033.844)	(209.242.510.129)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.911.090.417.599	2.947.705.170.896
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.054.125.428.449)	(2.703.874.343.221)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(60.338.502.800)	(70.382.408.740)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(203.373.513.650)	173.448.418.935
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	(123.390.761.844)	(188.913.635.047)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60	165.896.805.396	354.810.440.443
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</i>	70	42.506.043.552	165.896.805.396


Phan Quang Thành
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 3 năm 2016


Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán
tài chínhVũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 01 tháng 01 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCĐN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 02 năm 2016 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 đồng.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 311 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 305 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu so sánh (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán của các công ty đã niêm yết, giá trị dự phòng được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá giao dịch bình quân thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giao dịch trên thị trường giao dịch không chính thức (OTC hoặc Upcom), giá trị dự phòng được Tổng Công ty xác định trên cơ sở đánh giá thận trọng nhất của Ban Tổng Giám đốc về mức suy giảm giá trị có thể xảy ra là chênh lệch giữa giá mua thực tế và mệnh giá chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc xác định việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư không có giá tham chiếu này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2015</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Dụng cụ quản lý	3 - 6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính từ 4 đến 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị xây lắp do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 năm đối với quyền sử dụng đất và giá trị xây lắp (thời gian hiệu lực còn lại của quyền sử dụng đất).

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được phân bổ hết, tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác có thời hạn lớn hơn một năm.

Tiền thuê đất trả trước là giá trị tiền thuê đất để xây dựng Kho gas Đình Vũ với số tiền 24.856.249.290 đồng, trong thời hạn 488 tháng và được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí quản lý kho

Tổng Công ty hạch toán, theo dõi các chi phí tại kho đầu mối (như chi phí lương, khấu hao tài sản cố định, các chi phí thuê ngoài liên quan đến việc chiết nạp gas) vào giá vốn hàng bán. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá việc hạch toán này là phù hợp với các quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	205.429.457	233.525.718
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.300.614.095	44.863.279.678
Các khoản tương đương tiền (*)	-	120.800.000.000
	<u>42.506.043.552</u>	<u>165.896.805.396</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại.

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Chứng khoán kinh doanh				
Cổ phiếu				
Công ty Cổ phần Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn (*)	-	-	20.377.064.426	(7.121.228.826)
Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	-	-	275.761	(76.861)
Tổng công ty dệt may Hà Nội	2.610.000.000	(1.610.000.000)	2.610.000.000	(1.610.000.000)
Tổng	2.610.000.000	(1.610.000.000)	22.987.340.187	(8.731.305.687)

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
b1) Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	410.000.000.000	410.000.000.000	749.068.000.000	749.068.000.000
b2) Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	397.000.000.000	397.000.000.000	-	-
Tổng	807.000.000.000	807.000.000.000	749.068.000.000	749.068.000.000

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
c. Đầu tư vào công ty con (**)		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	30.000.000.000	22.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	40.000.000.000	20.500.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	70.000.000.000	57.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	15.000.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	20.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	11.487.708.826	11.487.708.826
Tổng	186.487.708.826	131.987.708.826

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2015 ngày 25 tháng 4 năm 2015, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện thoái vốn hoàn toàn tại Công ty Cổ phần Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn và hoàn nhập phần dự phòng tương ứng (Thuyết minh số 28).

(**) Theo Nghị quyết số 09/PGC-NQ-HĐQT ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng Quản trị thống nhất điều chỉnh tăng vốn điều lệ tại 5 công ty con đang sở hữu 100% vốn, nâng tổng vốn đầu tư của Tổng Công ty tại 5 đơn vị này tăng thêm 54,5 tỷ VND.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu các Công ty con (Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ):		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	46.743.253.155	54.358.663.993
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	33.889.188.822	53.318.337.401
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	23.310.760.211	64.075.681.945
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	28.294.891.319	30.414.335.570
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	7.358.197.209	33.657.949.936
Phải thu các đối tượng khác	41.694.670.034	35.803.969.901
	181.290.960.750	271.628.938.746

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi phải thu	23.955.686.110	13.233.044.602
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	10.000.000
Phải thu người lao động	602.864.423	1.683.166.917
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	41.947.469.767	1.275.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	6.346.390.109	4.240.821.307
	72.862.410.409	20.442.032.826

9. NỢ XẤU

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi	1.741.968.786	175.809.686	1.864.792.786	449.751.638
Công ty Cổ phần Bao bì Kim loại Vinacan Hà Nội	1.211.133.262	-	1.211.133.262	-
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa châu Âu	223.009.700	111.504.850	223.009.700	223.009.700
Các đối tượng khác	307.825.824	64.304.836	430.649.824	226.741.938

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.874.300.800	-	2.357.423.800	-
Nguyên liệu, vật liệu	35.624.172.957	(2.111.112.667)	21.349.072.514	(1.018.655.961)
Công cụ, dụng cụ	242.224.105	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.434.799.574	-	1.186.514.574	-
Hàng hoá	50.796.399.278	(2.858.462.913)	54.804.586.781	(1.707.886.441)
Cộng	90.971.896.714	(4.969.575.580)	79.697.597.669	(2.726.542.402)

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.243.033.178 VND (năm 2014 đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 5.043.528.069 VND). Lý do trích lập dự phòng dựa trên giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc hàng tồn kho.

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.189.589	12.455.819
Các khoản khác	16.940.000	840.920.139
	<u>24.129.589</u>	<u>853.375.958</u>
b) Dài hạn		
Vỏ bình ga	87.855.590.162	63.505.152.935
Chi phí trả trước tiền thuê đất	19.546.195.189	20.158.665.121
Các khoản khác	13.567.253.053	14.588.448.623
	<u>120.969.038.404</u>	<u>98.252.266.679</u>

Tăng giảm trong kỳ của chi phí trả trước dài hạn như sau:

	<u>Tiền thuê đất</u>	<u>Vỏ bình gas</u>	<u>Khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	20.158.665.121	63.505.152.935	14.588.448.623	98.252.266.679
Tăng trong năm	81.262.868	34.104.791.592	3.262.878.777	37.448.933.237
Phân bổ vào chi phí trong năm	(693.732.800)	(9.754.354.365)	(4.284.074.347)	(14.732.161.512)
Tại ngày 31/12/2015	<u>19.546.195.189</u>	<u>87.855.590.162</u>	<u>13.567.253.053</u>	<u>120.969.038.404</u>

Tiền thuê đất phản ánh giá trị hợp đồng thuê 3 ha đất tại khu Công nghiệp Đình Vũ - ký hiệu Cn 5.2 để xây dựng Kho gas Đình Vũ, đã trả trước cho Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ cho thời gian thuê là 488 tháng, đến hết ngày 02 tháng 4 năm 2047.

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**NGUYÊN GIÁ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	254.566.377.222	106.167.050.724	23.290.783.733	5.916.901.190	389.941.112.869
Mua sắm mới	-	35.049.838.333	1.270.913.636	336.368.669	36.657.120.638
Xây dựng cơ bản hoàn thành	10.199.846.418	-	-	-	10.199.846.418
Tăng do nhận điều chuyển nội bộ	-	38.720.020	-	-	38.720.020
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(291.916.209)	-	(291.916.209)
Giảm do điều chuyển nội bộ	(4.081.928.744)	(2.091.656.729)	-	(88.650.305)	(6.262.235.778)
Tại ngày 31/12/2015	260.684.294.896	139.163.952.348	24.269.781.160	6.164.619.554	430.282.647.958

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015	80.351.334.390	35.881.388.642	13.559.485.084	2.814.622.378	132.606.830.494
Khấu hao trong năm	13.630.330.882	15.110.461.159	2.816.994.696	1.443.341.714	33.001.128.451
Giảm do điều chuyển nội bộ	(473.041.801)	(438.824.973)	-	(9.850.033)	(921.716.807)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(188.529.640)	-	(188.529.640)
Tại ngày 31/12/2015	93.508.623.471	50.553.024.828	16.187.950.140	4.248.114.059	164.497.712.498
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	167.175.671.425	88.610.927.520	8.081.831.020	1.916.505.495	265.784.935.460
Tại ngày 31/12/2014	174.215.042.832	70.285.662.082	9.731.298.649	3.102.278.812	257.334.282.375

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 42.712.882.322 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 39.356.497.245 VND).

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	6.988.047.470	9.850.975.636	16.839.023.106
Mua sắm mới	-	668.000.000	668.000.000
Tại ngày 31/12/2015	6.988.047.470	10.518.975.636	17.507.023.106
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	1.819.579.942	5.426.767.184	7.246.347.126
Trích khấu hao trong năm	113.940.000	3.027.197.642	3.141.137.642
Tại ngày 31/12/2015	1.933.519.942	8.453.964.826	10.387.484.768
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	5.054.527.528	2.065.010.810	7.119.538.338
Tại ngày 31/12/2014	5.168.467.528	4.424.208.452	9.592.675.980

(*) Bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của lô đất tại 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh, được đánh giá lại theo Quyết định số 4450/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty được sử dụng lô đất này để xây dựng văn phòng với chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày Ủy ban Nhân dân Thành phố ban hành quyết định.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công trình mở rộng kho Đình Vũ, di dời Thượng Lý	11.014.302.863	-
Công trình bồn LPG Đà Nẵng	2.107.660.702	-
Công trình văn phòng Cần Thơ	144.378.182	-
Các công trình khác	770.977.790	667.111.466
	14.037.319.537	667.111.466

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất	Giá trị xây lắp	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
Tại ngày 31/12/2015	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	811.650.001	309.850.727	1.121.500.728
Trích khấu hao trong năm	139.140.000	43.453.332	182.593.332
Tại ngày 31/12/2015	950.790.001	353.304.059	1.304.094.060
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	6.006.615.469	1.732.455.736	7.739.071.205
Tại ngày 31/12/2014	6.145.755.469	1.775.909.068	7.921.664.537

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 600 tháng và các giá trị xây lắp, đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 576 tháng tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong năm		31/12/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp/khấu trừ	
Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	98.292.293	533.747.950.951	(533.780.509.098)	65.734.146
- Thuế GTGT đầu ra	98.292.293	455.807.166.218	(455.839.724.365)	65.734.146
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	77.940.784.733	(77.940.784.733)	-
Thuế nhập khẩu	-	37.135.681.927	(37.135.681.927)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.276.278.955	8.015.704.597	(5.857.206.588)	3.434.776.964
Các loại thuế khác	703.023.730	2.989.411.452	(3.598.111.049)	94.324.133
Cộng	2.077.594.978	581.888.748.927	(580.371.508.662)	3.594.835.243

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Đà Nẵng	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Cần Thơ	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	TP. Hồ Chí Minh	51%	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas

18. VAY NGẮN HẠN

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.066.466.465.108	1.066.466.465.108	1.911.821.023.722	2.054.125.428.449	924.162.060.381	924.162.060.381
Cộng	1.066.466.465.108	1.066.466.465.108	1.911.821.023.722	2.054.125.428.449	924.162.060.381	924.162.060.381

Bao gồm các khoản vay sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	82.014.009.427	182.455.872.352
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	140.177.681.147	195.440.428.245
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	200.419.590.420	232.209.379.204
Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	148.181.164.015	120.935.313.343
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (v)	250.020.251.085	210.397.357.490
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam (vi)	-	81.707.304.932
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (vii)	103.349.364.287	43.320.809.542
	924.162.060.381	1.066.466.465.108

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo hợp đồng vay số 01/2015/1230718/HĐTD ký ngày 24 tháng 4 năm 2015. Mục đích sử dụng khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tiền lãi sẽ được thanh toán vào cuối kỳ trên cơ sở định kỳ hàng tháng bằng cách khấu trừ vào tài khoản tiền gửi thanh toán của bên vay mở tại ngân hàng. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. VAY NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (ii) Khoản Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa theo Hợp đồng số 01/2014/HĐTDHM/NHCT126-PGC ký ngày 01 tháng 07 năm 2014 và Hợp đồng số 112/2015-HĐTDHM/NHCT126-PGC ký ngày 15 tháng 9 năm 2015. Khoản vay có thể giải ngân bằng VND và/hoặc USD. Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ. Lãi thanh toán ngày 25 hàng tháng. Gốc trả được quy định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (iii) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng số 150001/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 5 tháng 1 năm 2015. Khoản vay có thể giải ngân bằng VND hoặc USD. Mục đích sử dụng khoản vay là bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Thời hạn cấp tín dụng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho tới hết ngày 30 tháng 6 năm 2015. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội bao gồm Hợp đồng cấp tín dụng số 1032.14.057.747309.TD ký ngày 08 tháng 10 năm 2014 và Hợp đồng cấp tín dụng số 932.15.057.747309.TD ký ngày 08 tháng 10 năm 2015. Mục đích của khoản vay là cho vay vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh khí hóa lỏng và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay hoặc mở thư tín dụng L/C có liên quan. Lãi cho vay và thời gian trả gốc áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ, ngày trả lãi là ngày 27 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Hội sở chính theo Hợp đồng số 108.0231/HĐHM/PGBHN ký ngày 18 tháng 3 năm 2015. Mục đích của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo Hợp đồng số VHN 150784 ngày 07 tháng 4 năm 2015 và Văn bản sửa đổi số VNM151028 ngày 13 tháng 5 năm 2015. Mục đích của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp. Khoản vay đã tất toán vào ngày 28 tháng 10 năm 2015.
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng vay số 088DN039/HĐTD-VIB/2014 ký ngày 11 tháng 9 năm 2014 và hợp đồng vay số 1611/HĐTD-VIB/2015 ký ngày 16 tháng 11 năm 2015. Mục đích sử dụng khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh khí gas và các phụ kiện, lãi suất và thời hạn thanh toán lãi và nợ gốc được ghi theo từng giấy ghi nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH EI Corporation	64.072.648.489	64.072.648.489	12.302.052.000	12.302.052.000
Itochu Petroleum Co., Pte Ltd	13.621.350.485	13.621.350.485	-	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	53.150.450.775	53.150.450.775	25.562.743.801	25.562.743.801
Các đối tượng khác	17.149.613.927	17.149.613.927	17.709.282.065	17.709.282.065
	147.994.063.676	147.994.063.676	55.574.077.866	55.574.077.866

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn, đoàn phí, bảo hiểm xã hội	567.340.623	545.937.901
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	60.624.586.460	60.622.109.260
Các khoản khác	2.931.217.583	9.946.089.143
	64.123.144.666	71.114.136.304
b) Dài hạn		
Ký quỹ ký cược vô bình dài hạn (*)	19.470.362.568	14.423.587.282
	19.470.362.568	14.423.587.282
<i>Trong đó: Phân bổ ký quỹ vô bình</i>		
Số dư đầu năm	14.423.587.282	25.389.233.820
Nhận thêm ký cược, ký quỹ	9.391.291.884	7.323.038.164
Bàn giao cho các công ty con	-	(14.204.643.498)
Nhận lại từ công ty con	308.010.000	-
Kết chuyển vào doanh thu (*)	(4.652.526.598)	(4.084.041.204)
	19.470.362.568	14.423.587.282

(*) Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vô bình gas được xác định dựa trên số tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị vô bình xuất dùng.

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Dự phòng quỹ lương (*)	6.900.000.000	-
	6.900.000.000	-

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa

Báo cáo tài chính riêng

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện trích lập nhỏ hơn 17% quỹ lương dự phòng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ, quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng việc trích lập quỹ lương dự phòng này là phù hợp với đặc thù kinh doanh của Tổng Công ty cũng như các quy định hiện hành của Nhà nước.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Đơn vị	31/12/2015	31/12/2014
Hàng hóa gas nhận ký gửi	Kg	24.820	27.120
Ngoại tệ các loại			
- Tiền	USD	447,86	514,14
	EUR	201,77	212,69

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt NamBảo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Biến động vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2014	502.875.030.000	7.302.550.000	(49.700.000)	61.091.700.833	14.000.000.000	77.100.361.720	662.319.942.553						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	84.806.120.344	84.806.120.344						
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	6.059.381.720	200.000.000	(6.259.381.720)							
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(10.500.000.000)	(10.500.000.000)						
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(120.681.960.000)	(120.681.960.000)						
Tại ngày 01/01/2015	502.875.030.000	7.302.550.000	(49.700.000)	67.151.082.553	14.200.000.000	24.465.140.344	615.944.102.897						
Chuyển số dư quỹ Dự phòng tài chính vào quỹ Đầu tư phát triển theo Thông tư 200	-	-	-	14.200.000.000	(14.200.000.000)	-	-						
Tại ngày 01/01/2015 sau khi phân loại	502.875.030.000	7.302.550.000	(49.700.000)	81.351.082.553	81.351.082.553	24.465.140.344	615.944.102.897						
Tăng/(Giảm) vốn trong năm (**)	100.551.350.000	(7.302.550.000)	-	(93.248.800.000)	-	-	-						
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	85.426.716.059	85.426.716.059						
Trích các quỹ trong kỳ (*)	-	-	-	13.909.440.344	-	(13.909.440.344)							
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(10.555.700.000)	(10.555.700.000)						
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(60.340.980.000)	(60.340.980.000)						
Tại ngày 31/12/2015	603.426.380.000	-	(49.700.000)	2.011.722.897	-	25.085.736.059	630.474.138.956						

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2015 ngày 24 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau: trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Thường ban quản lý, điều hành hoàn thành và vượt kế hoạch với các giá trị lần lượt là 13.909.440.344 đồng, 9.950.000.000 đồng và 605.700.000 đồng.

(**) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2015 ngày 24 tháng 4 năm 2015 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 092/PGC-NQ-HĐQT ngày 26 tháng 11 năm 2015, thống nhất phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, việc tăng vốn đã được thực hiện từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển.

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn điều lệ của Tổng Công ty như sau:**

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	52,37%	316.042.990.000	263.369.160.000
Vốn góp của các cổ đông khác	47,63%	287.383.390.000	239.505.870.000
	100,00%	603.426.380.000	502.875.030.000

c. Cổ tức

Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số 092/PGC-NQ-HĐQT ngày 26 tháng 11 năm 2015 thống nhất thông qua tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 bằng tiền với giá trị là 60.340.980.000 đồng (tương đương với tỷ lệ thực hiện là 12%/vốn góp). Thời gian thanh toán cổ tức dự kiến là ngày 30 tháng 3 năm 2016.

d. Cổ phiếu

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.342.638	50.287.503
+ Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	50.287.503
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	3.353	3.353
+ Cổ phiếu phổ thông	3.353	3.353
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.339.285	50.284.150
+ Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	50.284.150
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND.

24. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	1.931.545.838.883	2.571.482.281.795
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.318.638.140	26.437.893.477
Doanh thu ký cược, ký quỹ vô bình gas	4.652.526.598	4.084.041.204
Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.387.070.227	3.293.130.682
	1.949.904.073.848	2.605.297.347.158
Trong đó		
Doanh thu nội bộ (giao dịch với các công ty con)	1.463.015.420.668	2.079.611.934.518
Doanh thu với đối tượng khác	486.888.653.180	525.685.412.640
	1.949.904.073.848	2.605.297.347.158
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	1.105.984.499	986.049.206
	1.105.984.499	986.049.206

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.827.878.430.699	2.508.072.391.535
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.860.672.693	22.424.378.850
Giá vốn kinh doanh bất động sản	2.907.549.892	2.191.757.076
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.243.033.178	(5.043.528.069)
	1.841.889.686.462	2.527.644.999.392

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.140.578.896	15.643.391.056
Chi phí nhân công	55.750.180.330	39.828.115.575
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.324.859.425	26.663.780.815
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.959.322.231	62.379.378.274
Chi phí khác bằng tiền	9.959.613.548	15.768.556.684
	214.134.554.430	160.283.222.404

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	46.384.833.895	45.930.356.181
Cổ tức, lợi nhuận được chia	60.762.582.395	67.438.396.926
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.786.250	168.797.417
Lãi bán hàng trả chậm	1.551.657.724	485.761.197
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.110.217.474	-
	109.815.077.738	114.023.311.721

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	36.018.101.509	35.884.535.393
Lãi bán hàng trả chậm	2.115.250.224	1.722.542.717
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.739.374.524	5.121.215.965
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(7.121.305.687)	141.432.511
Chi phí tài chính khác	21.583.643	126.865.640
	42.773.004.213	42.996.592.226

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2015	2014
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	16.377.611.700	2.903.485.770
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.876.483.330	4.637.207.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.373.313.041	11.027.909.380
Chi phí bằng tiền khác	5.705.297.250	6.982.540.731
Tổng	46.332.705.321	25.551.142.952
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	10.550.522.376	12.188.986.281
Chi phí hao mòn vô hình	9.754.354.365	9.594.661.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.348.896.295	4.169.244.026
Chi phí bằng tiền khác	869.613.472	10.922.633.744
Tổng	47.523.386.508	36.875.525.230

30. THU NHẬP KHÁC

	2015	2014
	VND	VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	373.280.757	1.900.379.755
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	5.817.186.297	15.978.225.103
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	5.443.905.540	14.077.845.348
Các khoản khác	13.329.996.674	5.089.331.642
	13.703.277.431	6.989.711.397

31. CHI PHÍ KHÁC

	2015	2014
	VND	VND
Các khoản bị phạt vi phạm hợp đồng	3.053.423	700.000
Các khoản khác	430.445.560	1.846.196.093
	433.498.983	1.846.896.093

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện tại	7.621.316.605	5.603.044.833
Phần điều chỉnh CP thuế năm trước	394.387.992	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.015.704.597	5.603.044.833
Thuế thu nhập hoãn lại		
Ảnh hưởng của các khoản mục chênh lệch tạm thời	(78.257.625)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(78.257.625)	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (Tiếp theo)**

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	93.364.163.031	90.409.165.177
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(58.721.814.826)	(64.940.779.571)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	60.762.582.395	67.438.313.726
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	948.310.863	2.497.534.155
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.092.456.706	-
Thu nhập chịu thuế	34.642.348.205	25.468.385.606
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	7.621.316.605	5.603.044.833
Thuế Thu nhập doanh nghiệp bổ sung các năm trước	394.387.992	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	8.015.704.597	5.603.044.833

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	924.162.060.381	1.066.466.465.108
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	42.506.043.552	165.896.805.396
Nợ thuần	881.656.016.829	900.569.659.712
Vốn chủ sở hữu	630.474.138.956	615.944.102.897
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,40	1,46

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.506.043.552	165.896.805.396
Phải thu khách hàng (sau dự phòng)	179.724.801.649	270.213.897.598
Các khoản phải thu khác	30.312.076.219	18.758.865.909
Đầu tư ngắn hạn	411.000.000.000	763.324.034.500
Đầu tư dài hạn khác	397.000.000.000	-
Tổng cộng	1.060.542.921.420	1.218.193.603.403
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	924.162.060.381	1.066.466.465.108
Phải trả người bán	147.994.063.676	55.574.077.866
Chi phí phải trả	311.968.634	6.689.395.466
Phải trả khác	2.931.217.583	9.946.089.143
Tổng cộng	1.075.399.310.274	1.138.676.027.583

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Đô la Mỹ (USD)	10.032.676	11.686.893	107.553.843.237	310.409.632.590
Euro (EUR)	4.887.190	5.631.963	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Đô la Mỹ (USD)	(2.150.876.211)	(6.207.958.914)
	(2.150.876.211)	(6.207.958.914)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc sẽ giảm/tăng như sau:

	Tăng/(Giảm) số cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
VND	+200	(19.630.866.315)
VND	-200	19.630.866.315
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	(18.891.021.025)
VND	-200	18.891.021.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, theo đó, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 1.566.159.101 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 1.415.041.148 đồng).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.506.043.552	-	42.506.043.552
Phải thu khách hàng (sau dự phòng)	179.724.801.649	-	179.724.801.649
Các khoản phải thu khác	30.312.076.219	-	30.312.076.219
Đầu tư ngắn hạn	411.000.000.000	-	411.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	397.000.000.000	397.000.000.000
Tổng cộng	663.542.921.420	397.000.000.000	1.060.542.921.420
31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	924.162.060.381	-	924.162.060.381
Phải trả người bán	147.994.063.676	-	147.994.063.676
Chi phí phải trả	311.968.634	-	311.968.634
Phải trả khác	2.931.217.583	-	2.931.217.583
Tổng cộng	1.075.399.310.274	-	1.075.399.310.274
Chênh lệch thanh khoản thuần	(411.856.388.854)	397.000.000.000	(14.856.388.854)
31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	165.896.805.396	-	165.896.805.396
Phải thu khách hàng (sau dự phòng)	270.213.897.598	-	270.213.897.598
Các khoản phải thu khác	18.758.865.909	-	18.758.865.909
Đầu tư ngắn hạn	763.324.034.500	-	763.324.034.500
Tổng cộng	1.218.193.603.403	-	1.218.193.603.403
31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	1.066.466.465.108	-	1.066.466.465.108
Phải trả người bán	55.574.077.866	-	55.574.077.866
Chi phí phải trả	6.689.395.466	-	6.689.395.466
Phải trả khác	9.946.089.143	-	9.946.089.143
Tổng cộng	1.138.676.027.583	-	1.138.676.027.583
Chênh lệch thanh khoản thuần	79.517.575.820	-	79.517.575.820

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 4.424.950.375 VND (năm 2014: 773.258.979 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa thanh toán cho nhà cung cấp và đã bao gồm 13.092.280.123 VND (năm 2014: 18.267.815.242 VND) là số tiền đã ứng trước cho nhà cung cấp để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa nhận tài sản trong năm. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả và phải thu.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm trước được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			Đơn vị: VND
Bảng cân đối kế toán		31/12/2014	Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC		Thay đổi	
Tên chi tiêu	Mã số		Tên chi tiêu	Mã số		
I. Tài sản						
1. Phải thu khách hàng	131	35.803.969.901	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	271.628.938.746	Phân loại lại và đổi tên
2. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	235.824.968.845	2. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	Phân loại lại
3. Các khoản phải thu khác	135	18.748.865.909	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	20.442.032.826	Phân loại lại và đổi tên
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	1.693.166.917	4. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	Phân loại lại
II. Nguồn vốn						
1. Phải trả người bán	312	55.574.077.866	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	55.574.077.866	Đổi tên
2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	71.114.136.304	2. Phải trả ngắn hạn khác	319	71.114.136.304	Đổi tên
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	636.692.728	3. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	636.692.728	Đổi tên và mã số
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	14.200.000.000	4. Quỹ đầu tư phát triển	418	81.351.082.553	Phân loại lại
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	67.151.082.553				
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh						
Tên chi tiêu	Mã số	2014	Tên chi tiêu	Mã số	2014	
1. Thu nhập khác	31	21.067.556.745	1. Thu nhập khác	31	6.989.711.397	Trình bày lại
2. Chi phí khác	31	15.924.741.441	2. Chi phí khác	31	1.846.896.093	Trình bày lại
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ						
1. Chi phí lãi vay	06	37.607.078.110	1. Chi phí lãi vay	06	35.884.535.393	Trình bày lại
2. Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(222.700.695.080)	2. Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(220.978.152.363)	Trình bày lại

(Handwritten signature)

Phan Quang Thành
Người lập biểu

(Handwritten signature)

Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán
tài chính



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2016